

Số: /QĐ-UBND

Hà Tĩnh, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt dự án Xây dựng hạ tầng tái định cư đáp ứng thực hiện di dời, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho 220 hộ dân thôn Hải Phòng 1 và Hải Phòng 2, thị xã Kỳ Anh (giai đoạn 1)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 về quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/03/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ các Nghị quyết của HĐND tỉnh: số 34/NQ-HĐND ngày 06/11/2021 về di dời, tái định cư các hộ dân thôn Hải Phòng 1 và Hải Phòng 2, xã Kỳ Lợi, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh; số 203/NQ-HĐND ngày 31/10/2024 về việc quyết định chủ trương, điều chỉnh chủ trương đầu tư một số dự án đầu tư công (Phụ lục 2: Quyết định chủ trương đầu tư dự án Xây dựng hạ tầng tái định cư đáp ứng thực hiện di dời, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho 220 hộ dân thôn Hải Phòng 1 và Hải Phòng 2, thị xã Kỳ Anh (giai đoạn 1));

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh: số 28/2021/QĐ-UBND ngày 22/6/2021 về việc ban hành Quy định phân cấp một số nội dung về công tác thẩm định, tổ chức quản lý dự án đầu tư xây dựng và quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh; số 07/2020/QĐ-UBND ngày 26/02/2020 quy định một số nội dung về quản lý, thực hiện dự án đầu tư công trên địa bàn tỉnh; số 02/2023/QĐ-UBND ngày 05/01/2023 sửa đổi bổ sung một số điều của quyết định số 07/2020/QĐ-UBND ngày 26/02/2020;

Căn cứ Quyết định số 1884/QĐ-UBND ngày 20/6/2019 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết khu tái định cư xã Kỳ Lợi tại phường Kỳ Trinh (giai đoạn 2), thị xã Kỳ Anh, tỷ lệ 1/500;

Căn cứ Quyết định số 2698/QĐ-UBND ngày 25/11/2024 của UBND tỉnh về việc giao nhiệm vụ chủ đầu tư và triển khai thực hiện Nghị quyết số 203/NQ-HĐND ngày 31/10/2024 của HĐND tỉnh;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Văn bản thẩm định số 349/SXD-QHKT₁ ngày 30/12/2024 (trên cơ sở đề xuất của UBND thị xã Kỳ Anh tại Tờ trình số 199/TTr-UBND ngày 02/12/2024; ý kiến của Sở Công Thương tại Văn bản số 173/SCT-TĐ ngày 27/12/2024, của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Văn bản số 2881/STNMT-ĐĐ82 ngày 13/12/2024); ý kiến của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Văn bản số 325/SKHĐT-TĐGSĐT ngày 10/02/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án Xây dựng hạ tầng tái định cư đáp ứng thực hiện di dời, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho 220 hộ dân thôn Hải Phòng 1 và Hải Phong 2, thị xã Kỳ Anh (giai đoạn 1), với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án: xây dựng hạ tầng tái định cư đáp ứng thực hiện di dời, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho 220 hộ dân thôn Hải Phòng 1 và Hải Phong 2, thị xã Kỳ Anh (giai đoạn 1).

2. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch UBND tỉnh Hà Tĩnh.

3. Chủ đầu tư: UBND thị xã Kỳ Anh.

4. Mục tiêu, quy mô đầu tư xây dựng:

4.1. Mục tiêu: đầu tư xây dựng hạ tầng tái định cư (giai đoạn 1) đáp ứng thực hiện việc di dời, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho 220 hộ dân thôn Hải Phong 1 và Hải Phong 2, thị xã Kỳ Anh theo Đề án di dời, tái định cư các hộ dân thôn Hải Phong 1 và Hải Phong 2, xã Kỳ Lợi, thị xã Kỳ Anh.

4.2. Quy mô đầu tư xây dựng: đầu tư xây dựng khu tái định cư gồm các hạng mục san nền, đường giao thông, hệ thống thoát nước, hệ thống cấp nước, hệ thống cấp điện, nhà văn hóa với các chỉ tiêu chủ yếu như sau:

a) San nền: san nền cục bộ theo từng lô đất với tổng diện tích $S=38.024,82m^2$ bằng đất đồi đầm chặt $K\geq 0,9$; riêng vị trí cây xanh đắp đất tận dụng $K\geq 0,85$ cao độ san nền không chế từ +18,2m đến +22,60m.

b) Hệ thống giao thông:

- Xây dựng 08 tuyến đường với tổng chiều dài $L=1.050,5m$; trong đó: Tuyến 1 dài $L=170,25m$ có điểm đầu $Km0+0,00$ giao với đường hiện trạng, điểm cuối dừng kỹ thuật tại $Km0+170,25$; Tuyến 2 dài $L=170,25m$ có điểm đầu $Km0+00$ giao với đường hiện trạng, điểm cuối dừng kỹ thuật tại $Km0+170,25$; Tuyến 3 dài $L=110,0m$ có điểm đầu $Km0+0,00$ giao với đường hiện trạng, điểm cuối giao với tuyến số 8 tại $Km0+110$; Tuyến 4 dài $L=27,75m$ có điểm đầu $Km0+0,00$ giao với tuyến số 8, điểm cuối dừng kỹ thuật tại $Km0+27,75$; Tuyến 5 dài $L=110,0m$ có điểm đầu $Km0+0,00$ giao với đường hiện trạng, điểm cuối giao với tuyến số 8 tại $Km0+110$; Tuyến 6 dài $L=170,2m$ có điểm đầu $Km0+0,00$ giao với đường hiện trạng, điểm cuối dừng kỹ thuật tại $Km0+170,2$;

Tuyến 7 dài $L=59,5\text{m}$ có điểm đầu $\text{Km}0+0,00$ giao với tuyến số 3, điểm cuối giao với tuyến 5 tại $\text{Km}0+59,5$; Tuyến 8 dài $L=232,5\text{m}$ có điểm đầu $\text{Km}0+0,00$ giao với tuyến số 2, điểm cuối $\text{Km}0+232,5$ giao với tuyến số 6.

- Mặt cắt ngang: Tuyến số 1 có bề rộng nền đường $B_{\text{nền}}=15,5\text{m}$, bề rộng mặt đường $B_{\text{mặt}}=7,5\text{m}$, bề rộng vỉa hè $B_{\text{vĩa hè}}=2 \times 4,0\text{m}$; các Tuyến số 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8 có bề rộng nền đường $B_{\text{nền}}=13,5\text{m}$, bề rộng mặt đường $B_{\text{mặt}}=7,5\text{m}$.

- Độ dốc ngang mặt đường $I_{\text{mặt}}=2,0\%$; độ dốc ngang vỉa hè $I_{\text{vĩa hè}}=1,5\%$.

- Kết cấu mặt đường tính từ trên xuống: bê tông nhựa chặt C16 dày 7cm, tưới nhựa thấm bám TCN $1,0\text{kg}/\text{m}^2$, cấp phối đá dăm loại 1 dày 15cm, cấp phối đá dăm loại 2 dày 25cm.

- Nền đường: Ta luy nền đường đắp 1/1,5; nền đường bằng đất độ chặt $K \geq 0,95$, $\text{CBR} \geq 4$. Riêng 50cm dưới lớp kết cấu áo đường đầm chặt $K \geq 0,98$, $\text{CBR} \geq 6$.

- Vĩa hè: lát gạch Terazo dày 5cm hai bên 08 tuyến đường và lát hai bên 01 tuyến đường hiện trạng (tuyến số 9), lát một bên 01 tuyến đường hiện trạng (tuyến số 10).

- Bó vỉa, đan rãnh: bó vỉa có kích thước $B \times H = 30 \times 18\text{cm}$, đan rãnh có kích thước $B \times H = 30 \times 50\text{cm}$ bằng bê tông mác 250.

- Bồn trồng cây kích thước $A \times B = 1,2 \times 1,2\text{m}$ bố trí khoảng cách trung bình 10,0m/01 bồn cây. Kết cấu: viên bó ô bồn cây bằng bê tông mác 200 dày 10cm.

- Hệ thống an toàn giao thông: kẻ sơn, lắp đặt biển báo hiệu theo QCVN 41:2019/BGTVT.

c) Hệ thống thoát nước mưa:

- Cống dọc: sử dụng cống tròn bê tông ly tâm mác 300 có đường kính D800 với tổng chiều dài $L=44\text{m}$. Mương hình chữ nhật có nắp đậy với khẩu độ $B=0,6\text{m}$ với tổng chiều dài $L=1.670,5\text{m}$; kết cấu: giằng bằng bê tông cốt thép mác 250; thành bằng bê tông mác 250 dày 15cm; đáy bằng bê tông mác 250 dày 15cm; nắp đan bằng bê tông cốt thép mác 250 dày 10cm.

- Cống qua đường: sử dụng cống hộp có khẩu độ $B \times H = 0,8 \times 0,8\text{m}$ với tổng chiều dài $L=45\text{m}$. Kết cấu: thân bằng bê tông cốt thép mác 300 dày 12cm; bản giảm tải bằng bê tông mác 250 dày 20cm.

- Hồ ga: bố trí khoảng cách trung bình 30m/01 hồ ga gồm các loại có kích thước: $A \times B = 1,2 \times 1,3\text{m}$, $A \times B = 1,65 \times 1,3\text{m}$, $A \times B = 1,65 \times 2,05\text{m}$. Kết cấu: thân bằng bê tông cốt thép mác 250 dày 15cm, nắp đan bằng bê tông cốt thép mác 250 dày 10cm.

- Hoàn trả dòng chảy hiện trạng bằng mương đất hình thang có bề rộng $B=7,0\text{m}$, mái $m=1:1,5$ với chiều dài $L=140\text{m}$.

d) Hệ thống thoát nước thải:

- Cống đi phía sau các lô đất sử dụng mương hình chữ nhật có nắp đậy với khẩu độ $B=0,4\text{m}$, tổng chiều dài $L=911\text{m}$. Kết cấu: giằng bằng bê tông cốt thép mác 250; thành bằng bê tông mác 250 dày 20cm; đáy bằng bê tông mác 250 dày 15cm; nắp đan bằng bê tông cốt thép mác 250 dày 10cm.

- Công đi dọc vỉa hè sử dụng công tròn bằng bê tông ly tâm mác 300 có đường kính $D=0,3\text{m}$ với tổng chiều dài $L=469,5\text{m}$.

- Hồ ga: bố trí khoảng cách trung bình $20\text{m}/01$ hồ ga gồm các loại có kích thước: $A \times B=1,0 \times 1,0\text{m}$, $A \times B=1,3 \times 1,3\text{m}$. Kết cấu: thân bằng bê tông cốt thép mác 250 dày 15cm, nắp đan bằng bê tông cốt thép mác 250 dày 10cm.

đ) Hệ thống cấp nước: nguồn nước được lấy từ tuyến ống D110 hiện trạng cạnh khu vực dự án. Xây dựng mạng lưới tuyến ống sử dụng ống HDPE PE100 có đường kính từ D50-D110 với tổng chiều dài $L=2.590\text{m}$.

e) Hệ thống cấp điện:

- Nguồn điện: đầu nối tại vị trí cốt số 16/19/02B nhánh rẽ trạm biến áp dừng nghỉ đường tránh thuộc ĐZ 371E18.3.

- Xây dựng mới đường dây cáp ngầm trung áp 35kV với tổng chiều dài khoảng 277m và 02 Tủ trung thế (RMU).

- Xây dựng mới 01 Trạm biến áp, kiểu trạm trụ thép hợp bộ công suất 400kVA-35/0,4kV.

- Hệ thống điện hạ thế: xây dựng tuyến đường dây hạ áp 0,4kV với tổng chiều dài khoảng 2.071m; sử dụng cáp ngầm Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC-0,6/1kV có tiết diện $S=4 \times 150\text{mm}^2$, $S=4 \times 120\text{mm}^2$, $S=4 \times 95\text{mm}^2$, $S=4 \times 70\text{mm}^2$, $S=4 \times 50\text{mm}^2$ và hệ thống các tủ công tơ.

- Xây dựng tuyến hào kỹ thuật kích thước $B \times H=0,56 \times 0,63\text{m}$ phục vụ hạ ngầm tuyến đường dây trung, hạ áp hiện trạng với chiều dài 157m. Kết cấu: thân bằng bê tông cốt thép mác 250 dày 8cm; tấm nắp bằng bê tông cốt thép mác 250 dày 10cm.

- Hệ thống điện chiếu sáng: xây dựng tuyến đường dây chiếu sáng có tổng chiều dài 1.034m; sử dụng cáp ngầm Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC-0,6/1kV có tiết diện $S=4 \times 10\text{mm}^2$. Cột điện sử dụng cột thép liền cần cao $H=9,0\text{m}$, đèn có công suất $Q=120\text{W}$. Lắp đặt 01 tủ điều khiển điện chiếu sáng công suất $Q=100\text{A}$.

f) Nhà văn hóa: nhà 01 tầng với diện tích sàn 512m^2 , kích thước $30 \times 19,8\text{m}$; bước cột gian hội trường 3,9m, nhịp trong phòng 12,0m, hành lang 2,2m. Kết cấu: sử dụng khung bê tông cốt thép toàn khối kết hợp với tường chịu lực. Nền thiết kế cao 0,75m so với mặt sân hoàn thiện. Móng cột bê tông cốt thép đặt trên nền đất tự nhiên, móng tường xây đá hộc vữa xi măng mác 50. Khung bê tông cốt thép mác 200. Tường xây gạch đặc vữa xi măng mác 75. Sàn mái bằng bê tông cốt thép mác 200. Mái lợp tôn sóng vuông dày 0,45ly, xà gồ thép hộp mạ kẽm $40 \times 100 \times 1,8\text{mm}$. Trần nhà bằng trần tôn vân gỗ, đà trần thép hộp mạ kẽm $20 \times 40 \times 1,4\text{mm}$.

5. Tổ chức tư vấn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi, khảo sát xây dựng: Công ty Cổ phần tư vấn và xây dựng Hà Tĩnh.

6. Địa điểm xây dựng và diện tích đất sử dụng:

- Địa điểm xây dựng: phường Hưng Trí và phường Kỳ Trinh, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.

- Diện tích đất sử dụng: khoảng 5,1 ha.

7. Nhóm dự án, loại, cấp công trình: dự án nhóm C, công trình giao thông cấp III, hạ tầng kỹ thuật cấp III, năng lượng cấp IV, dân dụng cấp IV.

8. Số bước thiết kế, danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn

a) Số bước thiết kế: 02 bước (Báo cáo nghiên cứu khả thi, thiết kế bản vẽ thi công).

b) Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn:

- Khảo sát: TCXD 9398:2012 - Công tác trắc địa trong xây dựng công trình; TCCS 31:2020/TCĐBVN Đường ô tô - Tiêu chuẩn khảo sát; Quy phạm do vẽ bản đồ 96 TCN 43-90.

- Thiết kế: QCVN 07:2023/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về các công trình hạ tầng kỹ thuật; QCVN41:2019/BGTVT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ; TCVN 13592:2022 Đường đô thị - Yêu cầu thiết kế; TCCS 38:2022/TCĐBVN Áo đường mềm - các yêu cầu và chỉ dẫn kỹ thuật; TCVN 13606:2023: Cấp nước - Mạng lưới đường ống và công trình - yêu cầu thiết kế; TCVN 7957-2023 Thoát nước và mạng lưới bên ngoài - Tiêu chuẩn thiết kế; Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 13608:2023 Chiếu sáng nhân tạo bên ngoài các công trình công cộng; 11 TCN-19-2006 Hệ thống đường dây dẫn điện; 11 TCN-19-2006 Thiết bị phân phối và trạm biến áp; TCVN 4319: 2012: Nhà và công trình công cộng - Nguyên tắc cơ bản để thiết kế; TCVN 2737:2023 Tải trọng và tác động; TCVN 5573: 2011 Kết cấu gạch đá, gạch đá cốt thép - Tiêu chuẩn thiết kế; TCVN 5574:2012 Kết cấu bê tông cốt thép - Tiêu chuẩn thiết kế; và các tiêu chuẩn khác có liên quan.

9. Tổng mức đầu tư: **70.000.000.000 đồng**

(Bằng chữ: Bảy mươi tỷ đồng chẵn)

Trong đó:

- Chi phí BT, HT, TĐC (tạm tính):	18.011.921.000	đồng;
- Chi phí xây dựng:	42.754.809.000	đồng;
- Chi phí thiết bị	2.959.376.000	đồng;
- Chi phí quản lý dự án:	956.912.000	đồng;
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	2.465.586.000	đồng;
- Chi phí khác:	676.732.000	đồng;
- Chi phí dự phòng:	2.174.664.000	đồng.

10. Thời gian thực hiện: Giai đoạn 2024 - 2027.

11. Nguồn vốn:

- Ngân sách tỉnh giai đoạn 2021 - 2025 từ kinh phí thực hiện các dự án thuộc Đề án trọng tâm của tỉnh (Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 06/11/2021 của HĐND tỉnh về di dời, tái định cư các hộ dân thôn Hải Phòng 1 và Hải Phòng 2, xã Kỳ Lợi, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh): 50 tỷ đồng;

- Ngân sách thị xã Kỳ Anh: 20 tỷ đồng.

12. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư tổ chức quản lý dự án theo quy định hiện hành.

Điều 2. Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính chịu trách nhiệm trước pháp luật, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh và cơ quan liên quan về việc xác định nhiệm vụ chi đầu tư đối với dự án nêu trên thuộc ngân sách tỉnh và các nội dung liên quan tại Văn bản số 325/SKHĐT-TĐGSĐT ngày 10/02/2025, đảm bảo thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đầu tư công, ngân sách nhà nước và các quy định pháp luật có liên quan.

UBND thị xã Kỳ Anh (Chủ đầu tư), Sở Xây dựng (cơ quan thẩm định, đề xuất), Sở Công Thương (cơ quan phối hợp thẩm định) chịu trách nhiệm trước pháp luật, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh và cơ quan liên quan về nội dung thẩm định, số liệu báo cáo và đề xuất tại Tờ trình và Văn bản thẩm định nêu trên, đảm bảo thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đầu tư công, xây dựng, quy hoạch, đất đai, môi trường, phòng cháy chữa cháy, ngân sách nhà nước và các quy định pháp luật có liên quan.

Điều 3. Tổ chức thực hiện:

1. UBND thị xã Kỳ Anh (Chủ đầu tư) chịu trách nhiệm bố trí nguồn vốn ngân sách thị xã và triển khai thực hiện dự án theo đúng quy định của Luật Xây dựng số 50/2014/QH13, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Xây dựng số 62/2020/QH14, Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 và các quy định hiện hành; thực hiện đầy đủ các nội dung kiến nghị của Sở Xây dựng tại Báo cáo kết quả thẩm định số 349/SXD-QHKT₁ ngày 30/12/2024; hoàn thành dự án đảm bảo chất lượng, tiến độ, hiệu quả, thực hiện việc nghiệm thu, thanh quyết toán theo đúng quy định, tuyệt đối không để xảy ra thất thoát, lãng phí ngân sách nhà nước.

2. Các sở: Xây dựng, Công Thương, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính theo chức năng, nhiệm vụ thường xuyên kiểm tra, giám sát, hướng dẫn Chủ đầu tư tổ chức thực hiện các nội dung liên quan theo đúng quy định pháp luật hiện hành.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành;

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở, ngành: Xây dựng, Công Thương, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND thị xã Kỳ Anh (Chủ đầu tư) và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Trung tâm HCC tỉnh;
- Trung tâm CB-TH tỉnh;
- Lưu: VT, KT, KT₁.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trần Báu Hà